TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2025/HS-ST Ngày 26-9-2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hoành.

2/ Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Hay - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tú N, sinh ngày: 01/01/2000 tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). Số căn cước công dân: . Nơi cư trú: ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con công Nguyễn Văn A, sinh ngày 01/01/1980 (còn sống) và bà Võ Thị T, sinh ngày 01/01/1979 (còn sống); anh, chị, em ruột: Có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2011; có chồng: Đặng Thế T1, sinh ngày 09/01/2001 và 02 người con con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 20/6/2025 cho đến nay (bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn S, sinh ngày 01/01/1955.

Bà Quách Thị P, sinh ngày 01/01/1959.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ

Người đại diện hợp pháp của bà Quách Thị P: Ông Nguyễn Văn S – bị hại trong vụ án, là đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2025 (có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Đặng Thế T1, sinh ngày 09/01/2001 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Tú N là cháu nội của bị hại là ông Nguyễn Văn S và bà Quách Thị Phạm . Vào ngày 11/4/2025, bị cáo N đang trong thời kỳ mang thai, không có tiền tiêu xài cá nhân nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông bà nội lấy tiền tiêu xài. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, khi biết được ông S và bà Phạm Đ vắng, bị cáo đã lén lút đi vào nhà của ông S lấy chìa khóa tủ đựng quần áo để mở tủ tìm tài sản, lúc này bị cáo Nguyên phát H ở ngăn tủ thứ ba có thùng giấy màu cam nên đã lấy xuống và tìm kiếm thì phát hiện có một cái bóp màu đỏ bên trong chứa 02 chiếc nhẫn vàng (01 chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,79 chỉ) và tiền Việt Nam 3.000.000 đồng, ngăn dưới cùng của tủ thì phát hiện lon sữa qua sử dụng, bên trong có chứa 950.000 đồng nên bị cáo N lấy trộm toàn bộ số tài sản trên rồi đóng tủ lại và đi về nhà cất giấu số tiền 3.950.000 đồng trong phòng ngủ của nhà bị cáo. Sau đó bị cáo N mang 02 chiếc nhẫn vàng đi bán tại tiệm V1, địa chỉ ấp A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ) được 23.000.000 đồng. Đến khoảng 04 giờ 15 phút ngày 15/4/2025 lo sợ ông S và bà Phạm đi V phát hiện việc trộm cắp nên bị cáo N đã đến nơi trộm cắp tài sản mở tủ ra và lấy ổ khóa tủ ném xuống sông nhằm tạo hiện trường giả. Đến khoảng 05 giờ 15 phút ngày 15/4/2025, ông S thức dậy phát hiện tủ bị mở đã thông báo cho vợ về kiểm tra phát hiện mất tài sản nên đến trình báo cơ quan Công an.

Quá trình điều tra do nghi ngờ bị cáo N là người đã trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã mời bị cáo N lên làm việc thì bị cáo đã thừa nhận do phải nuôi con nhỏ và đang mang thai nhưng không có tiền tiêu xài, bị cáo đã trộm cắp số tài sản trên và đã tiêu xài cá nhân 4.000.000 đồng, còn lại 22.950.000 đồng thì tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra xử lý theo quy định.

Ngày 12/5/2025 Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản đối với số vàng mà bị cáo N đã trộm. Tại Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (một) nhẫn vàng loại 9999, trọng lượng 02 chỉ (02 x 10.836.000 đồng) là 21.672.000 đồng và 01 (một) nhẫn vàng loại 18K, trọng lượng 0,79 chỉ (0,79 x 7.743.000 đồng) là 6.116.000 đồng. Tổng cộng là 27.788.000 đồng (hai mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 27/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tú N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm

truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị hại Nguyễn Văn S 70 tuổi là thuộc trường hợp phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên. Về giảm nhẹ thì trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; khi phạm tội là phụ nữ có thai; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tú N phạm tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm i, điểm n, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo không buộc phải cách ly mà có khả năng tự cải tạo, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ và đủ các điều kiện để hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Bị hại ông Nguyễn Văn S khai nhận đã nhận lại được số tiền, vàng bị mất bằng tiền 31.738.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường nào khác, xin hội đồng xem xét xử nhẹ nhất cho bị cáo do bị cáo từ trước đến nay không vi phạm gì, sống ngoan, hiền và hiện nuôi con nhỏ mới sinh.

Theo các lời khai tại cơ quan điều tra bị cáo N thừa nhận việc lấy trộm vàng, tiền của ông S và bà P. Tại đơn xin xét xử vắng mặt thừa nhận lời khai giai đoạn điều tra là đúng và xin giảm nhẹ trong lúc xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Vây nên các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp

[2] Bị cáo vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhận thấy việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng tại phiên tòa, biên bản hiện trường, kết luận

định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở kết luận do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào ngày 11/4/2025 bị cáo Nguyễn Thị Tú N biết được bị hại Nguyễn Văn S và Quách Thị P đi vắng nhà đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông S, bà P để lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định đó bị cáo đã lén lút lấy chìa khóa mở tủ quần áo của bà P để trộm cắp tài sản là 02 chiếc nhẫn vàng (01 chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,79 chỉ) và tiền Việt Nam 3.950.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện T kết luận: 01 (một) nhẫn vàng loại 9999, trọng lượng 02 chỉ là 21.672.000 đồng và 01 (một) nhẫn vàng loại 18K, trọng lượng 0,79 chỉ là 6.116.000 đồng. Như vậy tài sản bị cáo lấy trộm có tổng giá trị là 31.738.000 đồng (gồm 02 nhẫn vàng trị giá 27.2788.000 đồng và tiền Việt Nam 3.950.000 đồng). Do tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng là thuộc tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng, bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại ông Nguyễn Văn S, sinh ngày 01/01/1955 đã trên 70 tuổi, thuộc tình tiết phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, khi phạm tội là phụ nữ có thai, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm i, điểm n, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng như tình hình tội phạm tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này không có vi phạm khác là có chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, mặc dù có 01 tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và được bị hại xin giảm nhẹ. Mặt khác bị cáo mới sinh và nuôi con nhỏ, xét thấy không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo và tính khoan

hồng của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, các bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra xử lý giao trả cho bị hại, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định pháp luật.

[9] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, về việc xử phạt tù cho bị cáo hưởng án treo và án phí là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm i, điểm n, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tú N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Tú N 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án ngày 26/9/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Tú N cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra xử lý giao tra cho bị hại, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Tú N phải nộp là 200.000 đồng.

5. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 7 – Cần Thơ;
- Công an thành phố Cần Thơ (Cơ quan điều tra, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, THA hình sự);
- UBND xã Phú Lộc.
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai